

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2019

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị đơn: Ông Phạm Anh S, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu thì bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Phạm Anh S tự nguyện kết hôn năm 2010, không bị ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 06/12/2010. Sau khi kết hôn vợ, chồng thuê phòng trọ sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh khoảng 05 năm thì chuyển về sinh sống tại ấp Phú Thiện, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng ý kiến nên dẫn đến cãi nhau thường xuyên và ông S đã nhiều lần đánh bà H. Vì thương con còn nhỏ nên bà H đã cố gắng chịu đựng nhiều năm qua với hy vọng quan hệ vợ chồng sẽ khắc phục được mâu thuẫn để cùng nhau nuôi dạy các con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Hiện nay hai người vẫn sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Phạm Anh S có 02 con chung tên là Phạm Anh T, sinh ngày 03/11/2011 và Phạm Anh Th, sinh ngày 25/11/2013. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 07/8/2018 và tại phiên hòa giải ngày 08/8/2018, ngày 23/8/2018 bị đơn ông Phạm Anh S trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phạm Anh S và bà Đỗ Thị Mỹ H tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 06/12/2010. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ và những lúc vợ chồng cãi nhau do nóng nảy nên ông S có tát bà H một hai lần, nhưng không đến mức đánh đập bạo lực. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì ông S đã nhờ cha mẹ bà H động viên để vợ chồng hòa thuận với nhau. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S thì ông S không đồng ý vì còn yêu vợ và thương các con.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông Phạm Anh S và bà Đỗ Thị Mỹ H có 02 con chung tên là Phạm Anh T, sinh ngày 03/11/2011 và Phạm Anh Th, sinh ngày 25/11/2013. Nếu phải ly hôn thì ông S đồng ý giao 02 con chung cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn xử lý đơn và thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài chưa đúng quy định tại Điều 191 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng tới nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án khác.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ H là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:*

Ông Phạm Anh S có nơi cư trú tại xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ông Phạm Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 07/01/2019, 25/01/2019 và 06/3/2019, nhưng ông Phạm Anh S đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Anh S theo luật định.

[3]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 181, quyển số 01, ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Mỹ H và ông Phạm Anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H được ly hôn ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà Đỗ Thị Mỹ H thấy rằng: Hiện nay các cháu Phạm Anh T và Phạm Anh Th đang sống với bà H và cháu T có nguyện vọng được ở với bà H, khi bà H và ông S ly hôn. Vì vậy, giao các cháu Phạm Anh T và Phạm Anh Th cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H và buộc ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với các cháu Phạm Anh T và Phạm Anh Th, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T và cháu Th đủ 18 tuổi.

[5]. *Về tài sản và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

thì bà Đỗ Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Phạm Anh S phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Đỗ Thị Mỹ H được ly hôn ông Phạm Anh S.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Phạm Anh T, sinh ngày 03/11/2011 và Phạm Anh Th, sinh ngày 25/11/2013 cho bà Đỗ Thị Mỹ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Anh S phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu Phạm Anh T và Phạm Anh Th mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phạm Anh T và cháu Phạm Anh Th đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Anh S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Đỗ Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007742 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Đỗ Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Buộc ông Phạm Anh S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo*: Dương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6. *Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án*:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy